

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 3381/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Công ty Điện lực Nghệ An đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 1.326 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Công ty Điện lực Nghệ An đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (có Danh mục và Phụ lục danh mục thủ tục hành chính cụ thể kèm theo).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Danh mục thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết của các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức niêm yết công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các Phó CVP UBND tỉnh;
 - TT THCB tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
 - Đài PTTH tỉnh, Báo Nghệ An;
 - UBND các huyện, thành phố, thị xã;
 - Lưu: VT, KSTT (Nam).
- [Signature]*



CHỦ TỊCH

[Signature]
Nguyễn Đức Trung

DANH MỤC PHỤ LỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH CẤP TỈNH, CÔNG TY ĐIỆN LỰC NGHỆ AN ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT
QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH NGHỆ AN**
*(Kèm theo Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	TÊN PHỤ LỤC	SỐ LƯỢNG TTHC	TRANG
1	Phụ lục số 01: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải	103	3-8
2	Phụ lục số 02: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường	102	9-15
3	Phụ lục số 03: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp	125	16-22
4	Phụ lục số 04: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng	63	23-26
5	Phụ lục số 05: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương	102	27-32
6	Phụ lục số 06: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	107	33-39
7	Phụ lục số 07: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao	99	40-45
8	Phụ lục số 08: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ	10	46
9	Phụ lục số 09: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ	78	47-50
10	Phụ lục số 10: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế	86	51-57
11	Phụ lục số 11: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	73	58-62
12	Phụ lục số 12: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông	37	63-65
13	Phụ lục số 13: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	54	66-68
14	Phụ lục số 14: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư	152	69-76

15	Phụ lục số 15: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ	28	77-79
16	Phụ lục số 16: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính	14	80
17	Phụ lục số 17: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch	26	81-82
18	Phụ lục số 18: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	37	83-85
19	Phụ lục số 19: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Công an tỉnh Nghệ An	09	86
20	Phụ lục số 20: Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An	09	87
21	Phụ lục số 21: Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Công ty Điện lực Nghệ An	12	88
Tổng	1.326 thủ tục hành chính	1.326	



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Giao thông vận tải**

(Kèm theo Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (59 TTHC)	
1	Cấp lại giấy phép lái xe	
2	Đổi GPLX do ngành Giao thông Vận tải cấp	
3	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ quốc phòng cấp	
4	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	
5	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài	
6	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	
7	Cấp Giấy phép lái xe Quốc tế	
8	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số máy chuyên dùng lần đầu	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng	
11	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	
14	Đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	
15	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
16	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	
17	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (chuyển đi)	
18	Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng	
19	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.	

20	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh	
21	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
22	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
23	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	
24	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	
25	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại	
26	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại	
27	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại	
28	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại	
29	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
30	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	
31	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	
32	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	
33	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	
34	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	
35	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	
36	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
37	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	
38	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa	

	bằng công - ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt	
39	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	
40	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	
41	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	
42	Đăng ký khai thác tuyến	
43	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	
44	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu; Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (quốc lộ, đường tỉnh) đang khai thác	
45	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh.	
46	Cấp phép thi công và chấp thuận thiết kế xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.	
47	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ được ủy thác quản lý	
48	Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (quốc lộ, đường tỉnh) đang khai thác	
49	Cấp giấy phép xe tập lái	
50	Cấp lại Giấy phép xe tập lái hoặc bổ sung xe tập lái	
51	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	
52	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng	
53	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	
54	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	

55	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
56	Cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch loại 3 đủ điều kiện hoạt động	
57	Cấp lại giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch loại 3 đủ điều kiện hoạt động	
58	Thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở	
59	Thẩm định hồ sơ Thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước)	
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (44 TTHC)	
60	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
61	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
62	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
63	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
64	Cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch	
65	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực	
66	Cấp đổi biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch	
67	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	
68	Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thủy nội địa	
69	Cấp lại Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thủy nội địa	
70	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	
71	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	
72	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyển	
73	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh	
74	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	

75	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác	
76	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
77	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
78	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
79	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
80	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
81	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
82	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
83	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
84	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
85	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
86	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
87	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	
88	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
89	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
90	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	

91	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
92	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	
93	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	
94	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	
95	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	
96	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	
97	Công bố lại cảng thủy nội địa	
98	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
99	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
100	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ.	
101	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ	
102	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	
103	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	
TỔNG	103 Thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tài nguyên và Môi trường**

*(Kèm theo Quyết định số 338/ /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (10 TTHC)	
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	
2	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	
3	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	
4	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	
5	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	
6	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	
7	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	
8	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	
9	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	
10	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	
II	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ, VIỄN THÁM (03 TTHC)	
11	Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép/ bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ	
12	Cấp/Gia hạn/Cấp đổi/Cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	
13	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	
III	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BĐKH (03 TTHC)	
14	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
15	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo	

	khí tượng thủy văn	
16	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
IV	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN (20 TTHC)	
17	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;	
18	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	
19	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	
20	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	
21	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	
22	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	
23	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	
24	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	
25	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	
26	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
27	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	
28	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	
29	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	
30	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	
31	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
32	Đóng cửa mỏ khoáng sản	
33	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
34	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
35	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	

36	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
V	LĨNH VỰC NƯỚC VÀ BIỂN ĐẢO (33 TTHC)	
37	Giao khu vực biển	
38	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	
39	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	
40	Trả lại khu vực biển	
41	Cấp giấy phép nhấn chìm ở biển	
42	Gia hạn giấy phép nhấn chìm ở biển	
43	Sửa đổi, bổ sung giấy phép nhấn chìm ở biển	
44	Trả lại giấy phép nhấn chìm ở biển	
45	Cấp lại giấy phép nhấn chìm ở biển	
46	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng lớn hơn 200m ³ /ngày đêm	
47	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m ³ /ngày đêm	
48	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất	
49	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng nhỏ hơn 200m ³ /ngày đêm và chưa có công trình khai thác.	
50	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng lớn hơn 200m ³ /ngày đêm và chưa có công trình khai thác	
51	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với trường hợp đã có công trình khai thác đang hoạt động	
52	Gia hạn/Điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất	
53	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt trường hợp chưa có công trình khai thác.	
54	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt trường hợp đã có Công trình khai thác.	
55	Gia hạn/Điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
56	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển	
57	Gia hạn/Điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển	
58	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, trường hợp chưa xả nước thải vào nguồn nước	

59	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước	
60	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
61	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	
62	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	
63	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
64	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
65	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
66	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	
67	Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức cá nhân xin cấp mới giấy phép tài nguyên nước	
68	Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức cá nhân đã được cấp giấy phép tài nguyên nước	
69	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
VI	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (33 TTHC)	
70	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh	
71	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
72	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
73	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
74	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
75	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
76	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	

77	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	
78	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	
79	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	
80	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
81	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
82	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	
83	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
84	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
85	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	
86	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
87	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
88	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	
89	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê	

	đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
90	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	
91	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
92	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
93	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	
94	Rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với các tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, các cơ sở tôn giáo	
95	Rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế và tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính	
96	Giao đất, cho thuê đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với người xin giao đất, thuê đất là tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bỏ vốn đầu tư và trực tiếp tham gia quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	
97	Giao đất đối với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An	
98	Cho thuê đất đối với các tổ chức được Nhà nước cho thuê đất để khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An	
99	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư và trực tiếp tham gia quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An)	
100	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất)	
101	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với các tổ	

	chức	
102	Xác định giá đất phục vụ cho mục đích giao đất, cho thuê đất	
TỔNG	102 thủ tục hành chính	

lcm

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

(Kèm theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LUẬT SƯ (14 TTHC)	
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
9	Hợp nhất công ty luật	
10	Sáp nhập công ty luật	
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
II	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT (06 TTHC)	
15	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	
16	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
17	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
18	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	
19	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
20	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	

III	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI KINH TẾ THƯƠNG MẠI (19TTHC)	
21	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	
22	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	
23	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	
24	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
25	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
26	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	
27	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
28	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
29	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
30	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
31	Thông báo thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
32	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
33	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
34	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
35	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	
36	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	
37	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng	

	đại diện của Trung tâm trọng tài	
38	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	
39	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
IV	LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN (08 TTHC)	
40	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
41	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
42	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
43	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	
44	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
45	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	
46	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
47	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
V	LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (13 TTHC)	
48	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	
49	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	
50	Đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	
51	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	
52	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
53	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
54	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
55	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	
56	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước	

	ngoài tại Việt Nam	
57	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
58	Thay đổi tên gọi, Trường chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
59	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
60	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
VI	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (26 TTHC)	
61	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
62	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
63	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
64	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
65	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	
66	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
67	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
68	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	
69	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	
70	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
71	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	
72	Cấp lại Thẻ công chứng viên	
73	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	

74	Thành lập Văn phòng công chứng	
75	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	
76	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	
77	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	
78	Hợp nhất Văn phòng công chứng	
79	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	
80	Sáp nhập Văn phòng công chứng	
81	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	
82	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	
83	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	
84	Miễn nhiệm Công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	
85	Bổ nhiệm Công chứng viên	
86	Bổ nhiệm lại Công chứng viên	
VII	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (10 TTHC)	
87	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	
88	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	
89	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động	
90	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	
91	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
92	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	
93	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	
94	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	
95	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	

96	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	
VIII	LĨNH VỰC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (11 TTHC)	
97	Cấp Thẻ đấu giá viên	
98	Thu hồi Thẻ đấu giá viên	
99	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	
100	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
101	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	
102	Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
103	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	
104	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
105	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
106	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
107	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	
IX	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (05 TTHC)	
108	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
109	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
110	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
111	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
112	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
X	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)	
113	Nhập quốc tịch Việt Nam	
114	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
115	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
116	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
117	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	

XI	LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP (03 TTCH)	
118	Cấp phiếu LLTP cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	
119	Cấp phiếu LLTP cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	
120	Cấp phiếu LLTP cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	
XII	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (02 TTHC)	
121	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
122	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
XIII	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (03 TTHC)	
123	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	
124	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	
125	Phục hồi danh dự	
TỔNG	125 thủ tục hành chính	

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng
(Kèm theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (22 TTHC)	
1	Cấp chứng chỉ hành nghề dựnng hoạt động xây dựng hạng II, III	
2	Nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do chứng chỉ hành nghề cũ bị mất hoặc hư hỏng)	
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do chứng chỉ hành nghề cũ bị hết thời hạn hiệu lực)	
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	
7	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
8	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân nước ngoài	
9	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	
10	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	
11	Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	
12	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với tổ chức (nhà thầu nước ngoài)	
13	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với cá nhân (nhà thầu nước ngoài)	
14	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân (nhà thầu) nước ngoài	
15	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	
16	Thẩm định thiết kế cơ sở	

17	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình	
18	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo việc	
19	Đăng ký công bố thông tin tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng	
20	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng	
21	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An.	
22	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN (05 TTHC)	
23	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	
24	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng	
25	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn hoặc gần hết hạn	
26	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán cho thuê mua	
27	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở do UBND tỉnh quyết định đầu tư	
III	LĨNH VỰC CẤP PHÉP XÂY DỰNG (20 TTHC)	
28	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến	
29	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị	
30	Cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo	
31	Cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng	
32	Cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng	
33	Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo	
34	Cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn đối với công trình không theo tuyến	
35	Cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn đối với công trình theo tuyến trong đô thị	
36	Cấp giấy phép xây dựng cho dự án	

37	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	
38	Cấp giấy phép di dời công trình	
39	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	
40	Gia hạn giấy phép xây dựng	
41	Cấp lại giấy phép xây dựng	
42	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn	
43	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ (đối với nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc công trình cấp III)	
44	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo nhà ở riêng lẻ (đối với nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc công trình cấp III)	
45	Gia hạn giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc công trình cấp III)	
46	Điều chỉnh giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc công trình cấp III)	
47	Cấp lại giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc công trình cấp III)	
IV	LĨNH VỰC QUY HOẠCH (10 TTHC)	
48	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch vùng và điều chỉnh (bao gồm: Vùng liên huyện, vùng huyện).	
49	Thẩm định Đồ án quy hoạch vùng (Lập mới và điều chỉnh).	
50	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù (Lập mới và điều chỉnh)	
51	Thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù (Lập mới và điều chỉnh)	
52	Thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù (Lập mới và điều chỉnh)	
53	Thẩm định đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù (Lập mới và điều chỉnh)	
54	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn, quy hoạch chung đô thị mới (Lập mới và điều chỉnh)	
55	Thẩm định Đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công	

	nhận là thị trấn, quy hoạch chung đô thị mới (Lập mới và điều chỉnh)	
56	Thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu đô thị và quy hoạch chi tiết đô thị (Lập mới và điều chỉnh)	
57	Thẩm định đồ án quy hoạch phân khu đô thị và quy hoạch chi tiết đô thị (Lập mới và điều chỉnh)	
V	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (02 TTHC)	
58	Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (Trường hợp cá nhân có nhu cầu sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề)	
59	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	
VI	LĨNH VỰC NHÀ Ở (02 TTHC)	
60	Công nhận/công nhận lại hạng nhà chung cư	
61	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	
VII	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG (02 TTHC)	
62	Thẩm định thiết kế cơ sở các dự án khai thác chế biến khoáng sản làm Vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng	
63	Thẩm định Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình khai thác chế biến khoáng sản làm Vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng	
TỔNG	63 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 05

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

(Kèm theo Quyết định số 3381 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (36 TTHC)	
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
4	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
7	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
8	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
9	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
11	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
13	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	

19	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
22	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
25	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
26	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
27	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
28	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
29	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	
31	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
32	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
33	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
34	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
35	Cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm	
36	Cấp lại giấy CN cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm	
II	LĨNH VỰC HÓA CHẤT, VẬT LIỆU NÓ CÔNG NGHIỆP (16 TTHC)	
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
39	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	

40	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
42	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
43	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
44	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
45	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
46	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
47	Cấp Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp	
48	Cấp lại Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp	
49	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
50	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
III	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (22 TTHC)	
53	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.	
54	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.	
55	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí.	
56	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i	

	Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	
57	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
58	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
59	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	
60	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
61	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
62	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
63	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	
64	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại.	
65	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	
66	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
67	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
68	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	
69	Cấp Giấy phép thành lập VPĐD cho thương nhân nước ngoài	
70	Cấp lại Giấy phép thành lập VPĐD cho thương nhân nước ngoài	
71	Điều chỉnh Giấy phép thành lập VPĐD cho thương nhân nước ngoài	
72	Gia hạn Giấy phép thành lập VPĐD cho thương nhân nước ngoài	
73	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	

74	Lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	
IV	LĨNH VỰC ĐIỆN, NĂNG LƯỢNG MỚI VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (11 TTHC)	
75	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	
76	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	
77	Cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán buôn, bán lẻ điện	
78	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán buôn, bán lẻ điện	
79	Cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	
80	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	
81	Cấp mới thẻ kiểm tra viên điện lực	
82	Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực	
83	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình điện	
84	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình điện	
85	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình điện	
V	LĨNH VỰC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN, CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ, CÔNG TRÌNH HÓA CHẤT (03 TTHC)	
86	Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình hóa chất, công trình dầu khí	
87	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư XD công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình hóa chất, công trình dầu khí	
88	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình hóa chất, công trình dầu khí	
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH (06 TTHC)	
89	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	
90	Đăng ký lại Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	
91	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
92	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại	

	địa phương	
93	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
94	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	
VII	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (06 TTHC)	
95	Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi	
96	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại mang tính may rủi	
97	Thông báo thực hiện khuyến mại	
98	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	
99	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	
100	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	
VIII	LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI (02 TTHC)	
101	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
102	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
TỔNG	102 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 06

DANH MỤC

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số 3381 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (14 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
3	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đối với quảng cáo trên báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương.	
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	
6	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
7	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
8	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
9	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	
12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
13	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
14	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	
II	LĨNH VỰC THỦY SẢN (20 TTHC)	
15	Cấp giấy phép Khai thác thủy sản	
16	Cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	

17	Cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	
18	Chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	
19	Xóa đăng ký tàu cá	
20	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
21	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
22	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	
23	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	
24	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	
25	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	
26	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	
27	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức cá nhân Việt Nam	
28	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	
29	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	
30	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loại động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II CITES (đối với các loài thủy sinh)	
31	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	
32	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	
33	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	
34	Cấp lại Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM VÀ THỦY SẢN (08 TTHC)	
35	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (lần đầu) đối với cơ sở nông lâm sản và thủy sản	

36	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	
37	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	
38	Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
39	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhiễm thể hai mảnh vỏ	
40	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhiễm thể hai mảnh vỏ (NT2MV):	
41	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	
42	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	
IV	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y (20 TTTC)	
43	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	
44	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
45	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống thủy sản)	
46	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	
47	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
48	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	
49	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	
50	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung giấy chứng nhận	
51	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung giấy chứng nhận	
52	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do	

	xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	
53	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	
54	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	
55	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y (Bao gồm: Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	
56	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (Bao gồm: Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	
57	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	
58	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
59	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
60	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	
61	Đăng ký công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi	
62	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
V	LĨNH VỰC KIỂM LÂM (13 TTTC)	
63	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loại động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II,III CITES	
64	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	
65	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	
66	Phê duyệt đề án đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng	
67	Phê duyệt đề án đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong	

	rừng phòng hộ	
68	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng	
69	Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	
70	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	
71	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	
72	Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	
73	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	
74	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên	
75	Giao nộp gấu cho Nhà nước	
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH (03 TTHC)	
76	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.	
77	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán dự án đầu tư xây dựng công trình	
78	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	
VII	LĨNH VỰC THỦY LỢI (21 TTHC)	
79	Cấp lại giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
80	Cấp lại giấy phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
81	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	
82	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.	
83	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên	

	liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
84	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
85	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
86	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
87	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	
88	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
89	Cấp giấy phép cho các hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
90	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
91	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
92	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
93	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	

94	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
95	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
96	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
97	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
98	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
99	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
VIII	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (05 TTHC)	
100	Công nhận làng nghề	
101	Công nhận nghề truyền thống	
102	Công nhận làng nghề truyền thống	
103	Hỗ trợ dự án liên kết	
104	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	
IX	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG (03 TTHC)	
105	Phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông địa phương	
106	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
107	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
TỔNG	107 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 07

DANH MỤC

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Văn hóa và Thể thao**

*(Kèm theo Quyết định số 3581 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA (52 TTHC)	
1	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	
2	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	
3	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	
4	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	
5	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
6	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	
7	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	
8	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	
11	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	
15	Cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	

16	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	
17	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	
18	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	
19	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	
20	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	
21	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	
22	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	
23	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	
24	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	
25	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	
26	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
27	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
28	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
29	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	
30	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	
31	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	
32	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	
33	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	
34	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	

35	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	
36	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
37	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
38	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
39	Đăng ký tổ chức lễ hội	
40	Thông báo tổ chức lễ hội	
41	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	
42	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	
43	Điều chỉnh giấy phép kinh doanh vũ trường	
44	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn	
45	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	
46	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	
47	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	
48	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu ở địa phương	
49	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	
50	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	
51	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	
52	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	
II	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (12 TTHC)	
53	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	

54	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
57	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
58	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
59	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
60	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
61	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
62	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
63	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	
64	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	
III	LĨNH VỰC THỂ THAO (35 TTHC)	
65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	
66	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	
67	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	
70	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	
71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	
72	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo	

73	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	
74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	
75	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	
76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	
77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	
79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	
81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	
82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	
84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	
85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	
86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	
87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	
88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	
90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	

	đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	
92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	
93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	
94	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	
95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	
97	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
98	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	
99	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	
TỔNG	99 thủ tục hành chính	

**PHỤ LỤC SỐ 08
DANH MỤC**

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ
(Kèm theo Quyết định số 5381 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ (04 TTHC)	
1	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
2	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
3	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
4	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
II	LĨNH VỰC LÃNH SỰ (06 TTHC)	
5	Xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (Thẻ ABTC) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	
6	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	
7	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	
8	Sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	
9	Cấp công hàm đề nghị xin thị thực	
10	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu	
TỔNG	10 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 09
DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ
(Kèm theo Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI QUỸ (18 TTHC)	
1	Thành lập hội	
2	Phê duyệt Điều lệ Hội	
3	Công nhận Ban Vận động thành lập Hội	
4	Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường	
5	Chia, tách, sáp nhập hợp nhất Hội	
6	Cho phép đổi tên và phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)	
7	Giải thể Hội	
8	Cho phép Hội đặt văn phòng đại diện	
9	Cấp giấy phép công lập và công nhận điều lệ Quỹ	
10	Thu hồi giấy phép thành lập và con dấu Quỹ	
11	Thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập Quỹ	
12	Mở rộng phạm vi hoạt động Quỹ	
13	Công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ	
14	Thành lập Chi nhánh văn phòng đại diện Quỹ	
15	Đổi tên Quỹ cấp tỉnh	
16	Hợp nhất, chia, tách, sáp nhập Quỹ	
17	Giải thể Quỹ	
18	Công nhận thay đổi, bổ sung Hội đồng Quản lý Quỹ	
II	LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY (03 TTHC)	
19	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
20	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	
21	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
III	LĨNH VỰC THANH NIÊN XUNG PHONG (03 TTHC)	
22	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
23	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
24	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong	
IV	LĨNH VỰC VỀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (06 TTHC)	
25	Thi tuyển công chức	
26	Xét tuyển công chức	
27	Tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức	
28	Thi nâng ngạch công chức	
29	Xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên	
30	Xét tuyển đặc cách viên chức	

V	LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN (01 TTHC)	
31	Thành lập xóm, khối, bản	
VI	LĨNH VỰC VĂN THƯ LƯU TRỮ (03 TTHC)	
32	Cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của chứng chỉ hành nghề lưu trữ	
33	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc	
34	Cấp bản sao và chứng thực lưu trữ	
VII	LĨNH VỰC TÔN GIÁO (35 TTHC)	
35	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
36	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
37	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
38	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	
39	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam	
40	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	
41	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	
42	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
43	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
44	Thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh	
45	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
46	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	
47	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	
48	Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	
49	Thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	
50	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
51	Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn	

	giáo	
52	Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
53	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
54	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
55	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
56	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
57	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7, Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
58	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
59	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
60	Thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	
61	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
62	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
63	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	
64	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
65	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
66	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
67	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	

68	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	
69	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	
VIII	LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (09 TTHC)	
70	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh	
71	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh	
72	Tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"	
73	Tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"	
74	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	
75	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	
76	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đợt xuất	
77	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình	
78	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại	
TỔNG	78 thủ tục hành chính	

10/10/2

PHỤ LỤC SỐ 10
DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế
(Kèm theo Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC DƯỢC, MỸ PHẨM (43 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	
3	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	
4	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc, dược liệu, vắc xin, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao cho các đơn vị khám chữa bệnh	
5	Cấp giấy chứng nhận “Thực hành tốt bảo quản thuốc” (GSP)	
6	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
7	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	
8	Cấp lại giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc	
9	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	
10	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hỏng	
11	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp chứng chỉ hành nghề Dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan nhà nước	
12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	
13	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	
14	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	
15	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	
16	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với Cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa	

	tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	
17	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với Cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.	
18	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	
19	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	
20	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất.	
21	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc	
22	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực	
23	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất	
24	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối có kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất	
25	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực	
26	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa	

	tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực	
27	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc phóng xạ	
28	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	
31	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	
32	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	
33	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	
34	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	
35	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp: Bổ sung kho ở vị trí mới tại cùng địa điểm kinh doanh hoặc thay đổi vị trí kho bảo quản tại cùng địa điểm kinh doanh	
36	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	
37	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu	

	làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại.	
38	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực, không vì mục đích thương mại	
39	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	
40	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp: Mở rộng kho bảo quản trên cơ sở cấu trúc kho đã có; Sửa chữa, thay đổi về cấu trúc, bố trí kho bảo quản và Thay đổi hệ thống phụ trợ hoặc thay đổi nguyên lý thiết kế, vận hành hệ thống tiện ích mà có ảnh hưởng tới yêu cầu, điều kiện bảo quản	
41	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	
42	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	
43	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
II	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO (01 TTHC)	
44	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	
III	LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH (37 TTHC)	
45	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế về việc quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y (sau đây gọi tắt là Thông tư số 29/2015/TT-BYT)	
46	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT	
47	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT	
48	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT	

49	Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
51	Cấp lần đầu Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
51	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	
52	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	
53	Cấp điều chỉnh Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh	
54	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng Chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	
55	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	
56	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	
57	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
58	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
59	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Chẩn trị Y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
60	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
61	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
62	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
63	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
64	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
65	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại	

	nhà thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
66	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
67	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
68	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng Khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
69	Cấp Giấy phép hoạt động đối với Trạm Y tế cấp xã, Trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
70	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
71	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
72	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
73	Cấp điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
74	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
75	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền	
76	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	
77	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	
78	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	
79	Công bố cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe	
80	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe cho lái xe	
81	Cấp giấy đủ điều kiện thực hiện khám chữa bệnh nhân đạo	
IV	LĨNH VỰC TỔ CHỨC - CÁN BỘ (02 TTHC)	

82	Đề nghị bổ nhiệm Giám định viên Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh	
83	Đề nghị miễn nhiệm Giám định viên Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh	
V	LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ (03 TTHC)	
84	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	
85	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	
86	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	
TỔNG	86 thủ tục hành chính	

Umm

PHỤ LỤC SỐ 11
DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
(Kèm theo Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG (35 TTHC)	
1	Tiếp nhận và giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	
2	Tiếp nhận và giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	
3	Xác nhận liệt sĩ	
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
5	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
6	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	
7	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
8	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	
9	Đổi hoặc cấp lại bằng Tổ quốc ghi công	
10	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	
11	Giải quyết chế độ ưu đãi Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng	
12	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng LLVTND, AHLĐ trong thời kỳ kháng chiến	
13	Hồ sơ xác nhận và giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
14	Xác nhận đối với người bị thương không còn giấy tờ, không thuộc lực lượng công an, quân đội	
15	Giới thiệu giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	
16	Giới thiệu giám định vết thương còn sót và điều chỉnh trợ cấp thương tật	

17	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
18	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	
19	Giới thiệu đi khám giám định bệnh, tật đối với người hoạt động kháng chiến, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp	
20	Xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng và người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày.	
21	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	
22	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết; thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	
23	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
24	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần.	
25	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi (chấp hành xong hình phạt tù)	
26	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
27	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	
28	Tiếp nhận hồ sơ người có công với cách mạng do địa phương khác và do quân đội, công an quản lý chuyển đến	
29	Giải quyết chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên	
30	Cấp sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	
31	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a	
32	Giải quyết trợ cấp về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc không thuộc ngành quân đội, công an	
33	Hưởng trợ cấp mai táng phí do ngân sách tỉnh đảm bảo khi người hưởng trợ cấp 1 lần từ trần	

34	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
35	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (02 TTHC)	
36	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
37	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (04 TTHC)	
38	Thành lập Hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện	
39	Thành lập Hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	
40	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.	
41	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	
IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG (09 TTHC)	
42	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
43	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	
44	Xếp hạng công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ Sở hữu (hạng tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III).	
45	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu.	
46	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
47	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
48	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do bị mất cháy, hư hỏng	

49	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
50	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
V	LĨNH VỰC VIỆC LÀM (11 TTHC)	
51	Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp	
52	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp	
53	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp	
54	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	
55	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
56	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
57	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
58	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	
59	Xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân đối với người Việt Nam đi làm tại nước ngoài theo hợp đồng cá nhân	
60	Đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày	
61	Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	
VI	LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG (06 TTHC)	
62	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa	
63	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	

64	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
65	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện ATVSLĐ cho doanh nghiệp	
66	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ, BNN)	
67	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	
VII	LĨNH VỰC BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP (01 TTHC)	
68	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	
IX	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (05 TTHC)	
69	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
70	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
71	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
72	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
73	Chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
TỔNG	73 thủ tục hành chính	

**PHỤ LỤC SỐ 12
DANH MỤC**

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Thông tin và Truyền thông**

*(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC BƯU CHÍNH (06 TTHC)	
1	Cấp giấy phép bưu chính	
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	
5	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính	
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	
II	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (12 TTHC)	
7	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
8	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
9	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
10	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
11	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
12	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
13	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
14	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	
15	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập,	

	chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	
16	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	
17	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	
18	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	
III	LĨNH VỰC BÁO CHÍ (05 TTHC)	
19	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	
20	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	
21	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	
22	Cho phép hợp báo (trong nước)	
23	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	
IV	LĨNH VỰC XUẤT BẢN (14 TTHC)	
24	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	
25	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
26	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
27	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
28	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	
29	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	
30	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	
31	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	
32	Cấp giấy phép hoạt động in	
33	Cấp lại giấy phép hoạt động in	

34	Đăng ký hoạt động cơ sở in	
35	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	
36	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	
37	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	
TỔNG	37 thủ tục hành chính	

Umm

**PHỤ LỤC SỐ 13
DANH MỤC**

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Giáo dục và Đào tạo**

*(Kèm theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (44 TTHC)	
1	Thành lập trường phổ thông trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường phổ thông trung học tư thực	
2	Cho phép trường phổ thông trung học hoạt động giáo dục	
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	
6	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thực	
7	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	
8	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	
9	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	
10	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	
11	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	
12	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	
13	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	
14	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	
15	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	
16	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	
17	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	
18	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	
19	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	

20	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	
21	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	
22	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	
23	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	
24	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	
25	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	
26	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông	
27	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
26	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
29	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	
30	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	
31	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	
32	Cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non	
33	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học	
34	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học (Bao gồm trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân)	
35	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
36	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	
37	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	

38	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	
39	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	
40	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	
41	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	
42	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	
43	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
44	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
II	LĨNH VỰC TUYỂN SINH (05 TTHC)	
45	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	
46	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	
47	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	
48	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	
49	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	
III	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (03 TTHC)	
50	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	
51	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	
52	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	
IV	LĨNH VỰC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA (02 TTHC)	
53	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú	
54	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân	
TỔNG	54 thủ tục hành chính	

**PHỤ LỤC SỐ 14
DANH MỤC**

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

*(Kèm theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ VÀ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP (64 TTHC)		
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (60 TTHC)		
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	

16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	

32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	

52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
54	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng	
55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
57	Giải thể doanh nghiệp	
58	Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	
59	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
Mục 2. Các thủ tục về thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội (04 TTHC)		
61	Thông báo cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
62	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
63	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
64	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	
II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ VÀ THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ VÀ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (31 TTHC)		
65	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	
66	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
67	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
68	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
69	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	
70	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	
71	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	
72	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	
73	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh	

	doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	
74	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	
75	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
76	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	
77	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
78	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
79	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	
80	Đăng ký hợp tác xã là Quỹ tín dụng nhân dân	
81	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân	
82	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của Quỹ tín dụng nhân dân	
83	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân	
84	Đăng ký khi Quỹ tín dụng nhân dân chia	
85	Đăng ký khi Quỹ tín dụng nhân dân tách	
86	Đăng ký khi Quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất	
87	Đăng ký khi Quỹ tín dụng nhân dân sáp nhập	
88	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Quỹ tín dụng nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	
89	Giải thể tự nguyện Quỹ tín dụng nhân dân	
90	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Quỹ tín dụng nhân dân	
91	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Quỹ tín dụng nhân dân	
92	Tạm ngừng hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân	
93	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân	
94	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Quỹ tín dụng nhân dân (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký Quỹ tín dụng nhân dân)	

95	Chấm dứt tồn tại của Quỹ tín dụng nhân dân bị chia, Quỹ tín dụng nhân dân bị hợp nhất, Quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập	
III. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (08 TTHC)		
Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo (05 TTHC)		
96	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
97	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
98	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
99	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
100	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	
Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn (03 TTHC)		
101	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	
102	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	
103	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	
IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (26 TTHC)		
104	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
105	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
106	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
107	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
108	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
109	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
110	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
111	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
112	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
113	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
114	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	

115	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
116	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
117	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
118	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	
119	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh	
120	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
121	Chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ lĩnh vực phát triển nhà ở)	
122	Giãn tiến độ đầu tư	
123	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
124	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
125	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
126	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
127	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	
128	Quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân golf thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
129	Quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân golf thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
V. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (04 TTHC)		
130	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	
131	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.	
132	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	

133	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm.	
V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (01 TTHC)		
134	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	
VI. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, THẨM ĐỊNH DỰ ÁN (18 TTHC)		
135	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư nhóm A, B, C	
136	Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư nhóm A, B, C	
137	Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	
138	Thủ tục thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	
139	Thủ tục thẩm định kế lựa chọn nhà thầu	
140	Thủ tục thẩm định điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
141	Thủ tục thẩm định kết quả đấu thầu (dự án do UBND tỉnh làm chủ đầu tư)	
142	PPP. Thủ tục thẩm định đề xuất dự án nhóm A, B, C (thuộc thẩm quyền UBND tỉnh)	
143	PPP. Thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của ngân sách tỉnh tham gia thực hiện dự án	
144	PPP. Thủ tục thẩm định đề xuất dự án của nhà đầu tư	
145	PPP. Thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi nhóm A, B	
146	PPP. Thủ tục thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi nhóm A, B	
147	PPP. Thủ tục thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	
148	PPP. Thủ tục thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	
149	PPP. Thủ tục thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	
150	PPP. Thủ tục thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
151	PPP. Thủ tục thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	
152	PPP. Thủ tục thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
Tổng	152 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 15**DANH MỤC****Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Khoa học và Công nghệ***(Kèm theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (11 TTHC)	
1	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
2	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
5	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
6	Cấp giấy chứng nhận cho chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ	
7	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
8	Cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ	
9	Công nhận sáng kiến cấp tỉnh	
10	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	
11	Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	
II	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ BỨC XẠ HẠT NHÂN (05 TTHC)	
12	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong Y tế	
13	Cấp gia hạn giấy phép sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong Y tế	
14	Cấp lại giấy phép sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong Y tế	
15	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong Y tế	

16	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	
III	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG (12 TTHC)	
17	Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	
18	Đăng ký kiểm tra nhà nước chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	
19	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	
20	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy (Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất))	
21	Cấp Thông báo Tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy (Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba))	
22	Cấp Thông báo Tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn (Trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất))	
23	Cấp Thông báo Tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn (Trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ 3))	
24	Cấp mới giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	
25	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	
26	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ôxít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (Áp dụng đối với trường hợp tổ chức/cá nhân có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc, hư hỏng)	
27	Tiếp nhận công bố sử dụng dấu định lượng	

28	Tiếp nhận điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	
TỔNG	28 thủ tục hành chính	

Camp

**PHỤ LỤC SỐ 16
DANH MỤC**

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính
(Kèm theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ VÀ CÔNG SẢN (13 TTHC)	
1	Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	
2	Điều chuyển tài sản công	
3	Thanh lý tài sản công	
4	Thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	
5	Thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	
6	Tiêu hủy tài sản công	
7	Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	
8	Xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	
9	Xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	
10	Mua quyền hóa đơn	
11	Mua hóa đơn lẻ	
12	Đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ	
13	Kê khai giá hàng hóa, dịch vụ	
II	LĨNH VỰC TIN HỌC VĂN PHÒNG (01 TTHC)	
14	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	
TỔNG	14 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 17

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch
(Kèm theo Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LỮ HÀNH (20 TTHC)	
1	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	
2	Công nhận điểm du lịch địa phương	
3	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
4	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
5	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
6	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	
7	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	
8	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	
9	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
10	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	
11	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	
12	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
13	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	
14	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	
15	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	

16	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
17	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	
18	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
19	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
20	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LƯU TRÚ DU LỊCH (06 TTHC)	
21	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	
22	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
23	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
24	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
25	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
26	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
TỔNG	26 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 18
DANH MỤC

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI (16 TTHC)	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giới thiệu địa điểm đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (<i>áp dụng cho cả thủ tục thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội</i>)	
3	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong GCNĐKĐT đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
4	Điều chỉnh nội dung dự án trong GCNĐKĐT đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
5	Điều chỉnh GCNĐKĐT đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (<i>áp dụng chung cho cả thủ tục thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội</i>)	
6	Điều chỉnh dự án trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
7	Điều chỉnh dự án theo bản án, quyết định của trọng tài, tòa án	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
9	Cấp đổi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư	
10	Hiệu đính thông tin trên Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư	
11	Thay đổi nhà đầu tư đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
12	Thay đổi nhà đầu tư đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	
13	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
14	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài	

	trong hợp đồng BCC	
15	Giãn tiến độ thực hiện dự án	
16	Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG (09 TTHC)	
17	Giới thiệu chấp thuận địa điểm (Nộp hồ sơ cùng với thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư, Đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
18	Quyết định cho phép khảo sát lựa chọn địa điểm lập quy hoạch xây dựng (Nộp cùng với hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư)	
19	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (QT áp dụng cho cả trường hợp nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch)	
20	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (QT áp dụng cho cả trường hợp điều chỉnh quy hoạch)	
21	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng (QT áp dụng cho cả trường hợp điều chỉnh quy hoạch)	
22	Thẩm định Thiết kế cơ sở	
23	Thẩm định thiết kế kỹ thuật(Thiết kế BVTC)	
24	Cấp phép xây dựng công trình thuộc dự án	
25	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình đưa vào sử dụng	
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (09 TTHC)	
26	Giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thuê lại, nhận chuyển nhượng của các Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	
27	Giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khu kinh tế Đông Nam (Đối với dự án do Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam giao lại đất, cho thuê đất)	
28	Xác định giá đất, đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trong KKT Đông Nam (Nhà đầu tư nộp hồ sơ xác định giá đất cùng với hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất nếu có)	
29	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng (sản xuất, đặc dụng, phòng hộ) sang mục đích sử dụng khác không phải lâm nghiệp và chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác (Nhà đầu tư nộp hồ sơ	

	cùng lúc hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất nếu có)	
30	Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong KKT Đông Nam Nghệ An	
31	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phương án cải tạo phục hồi môi trường	
32	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	
33	Xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp BVMT giai đoạn vận hành dự án; Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường	
34	Miễn tiền sử dụng đất đối với các dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động.	
IV	LĨNH VỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ LAO ĐỘNG (03 TTHC)	
35	Tiếp nhận thang, bảng lương và định mức lao động trong KKT Đông Nam và các KCN	
36	Tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể trong KKT Đông Nam và các KCN	
37	Đăng ký nội quy lao động trong KKT Đông Nam và các KCN Nghệ An	
TỔNG	37 thủ tục hành chính	

lamma

PHỤ LỤC SỐ 19
DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Công an tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU (05 TTHC)	
1	Giải quyết thủ tục làm con dấu mới và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	
2	Giải quyết thủ tục làm con dấu thứ hai và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	
3	Giải quyết thủ tục làm lại con dấu và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	
4	Giải quyết thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	
5	Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN (03 TTHC)	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	
7	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	
III	LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY (01 TTHC)	
9	Thẩm duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy	
TỔNG	09 thủ tục hành chính	

PHỤ LỤC SỐ 20

DANH MỤC

**Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An**

*(Kèm theo Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC THU BHXH, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP (03 TTHC)	
1	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	
2	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	
3	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	
II	LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH BHXH (05 TTHC)	
4	Giải quyết hưởng chế độ thai sản (Thực hiện đối với người lao động thôi việc trước thời điểm sinh con, nhận con, nhận nuôi con nuôi)	
5	Giải quyết di chuyển đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ tỉnh này đến tỉnh khác	
6	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định công bố mất tích	
7	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg	
8	Giải quyết trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg	
III	LĨNH VỰC CẤP SỔ, THẺ (01 TTHC)	
9	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT (Thực hiện đối với trường hợp cấp lại sổ BHXH do mất, hỏng; cấp lại, đổi thẻ BHXH)	
TỔNG	09 thủ tục hành chính	

**PHỤ LỤC SỐ 21
DANH MỤC**

**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Công ty Điện lực Nghệ An**

*(Kèm theo Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	DỊCH VỤ CẤP ĐIỆN MỚI (02 TTHC)	
1	Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp	
2	Cấp điện mới từ lưới điện trung áp	
II	DỊCH VỤ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN (10 TTHC)	
3	Thay đổi công suất sử dụng điện/thay đổi loại công tơ một pha, ba pha	
4	Thay đổi vị trí thiết đo đếm	
5	Thay đổi mục đích sử dụng điện	
6	Thay đổi định mức sử dụng điện	
7	Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện	
8	Kiểm tra công tơ và thiết bị đo đếm khác	
9	Thay đổi thông tin đã đăng ký trong hợp đồng mua bán	
10	Thay đổi hình thức thanh toán theo hợp đồng đã ký	
11	Gia hạn hợp đồng mua bán điện	
12	Chấm dứt hợp đồng mua bán điện	
TỔNG	12 thủ tục hành chính	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

(Chữ ký)